

- Bị đơn: Bà **Đặng Ngọc C**, sinh năm: 1992; địa chỉ: 27/1B Phan Văn Đ, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 17/3/2021 nguyên đơn TT trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Phú Q trình bày:

Ngày 20/6/2016 TT (gọi tắt là TT) có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: số thẻ 356480-1902 với bà Đặng Ngọc C để vay 17.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức trả lãi mỗi tháng vào ngày cuối cùng của tháng, mỗi tháng trả nợ gốc 05%/tổng số tiền vay cuối kỳ. Để thực hiện Hợp đồng bà C có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận vào ngày 31 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 31/7/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ **tính đến ngày 17/3/2021** bà C còn phải thanh toán cho TT 50.957.381đ. Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Phú Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà C trả 50.957.381đ (**trong đó: tiền gốc 19.183.881đ, tiền lãi quá hạn 31.773.500đ**); Ngân hàng Thương Tín yêu cầu tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng hai bên thỏa thuận đến khi **bà Cẩm** trả hết nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Thẻ tín dụng số 356480-1902 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng **bà C** vắng mặt không có lý do dù được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Q đại diện cho TT có đơn xin vắng mặt, trong đơn Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn kiện kèm theo bảng kê tính lãi đến ngày xét xử, nguyên đơn yêu cầu **tiền lãi quá hạn** phát sinh **từ ngày 18/3/2021** đến ngày xét xử sơ thẩm (**27/10/2021**) là 5.371.520đ. Tổng cộng là 56.328.901đ (trong đó: Nợ gốc **19.183.881đ**; nợ lãi 37.145.020đ); **bà C** vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai không có lý do.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: TT khởi kiện yêu cầu **bà C trả 56.328.901đ**, **bà C** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xử vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; **bà C** trú tại 27/1B Phan Văn Đ, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, **Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của TT.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số thẻ 356480-1902, tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp được ký giữa TT và **bà C**, gắn liền địa chỉ 27/1B Phan Văn Đ, Khóm B, Phường C, thành phố V, hợp đồng thẻ hiện thẻ phát hành số tiền 17.000.000đ là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho **bà C** biết yêu cầu khởi kiện của TT và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng **Bà** vẫn vắng mặt, theo đơn xin xác nhận nơi cư trú **bà C** còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ vào thời điểm ký Hợp đồng, **bà C** vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, TT yêu cầu **bà C** trả **tiền gốc 19.183.881đ** là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc **bà C** trả tiền lãi phát sinh từ ngày

18/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/10/2021) theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được chấp nhận là 37.145.020đ.

[3] Về án phí: TT yêu cầu **bà C** trả 56.328.901đ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 2.816.000đ; hoàn trả cho TT tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, **khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T T;

Buộc **bà Đặng Ngọc C** có nghĩa vụ trả cho TT 56.328.901đ (trong đó: Nợ gốc 19.183.881đ; nợ lãi 37.145.020đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-1902 ngày 20/6/2016.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc **bà Đặng Ngọc C** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.816.000đ (hai triệu, tám trăm mười sáu ngàn đồng);

2.2/ TT được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.274.000đ (một triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰ 0000138 ngày 02/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tùng Châu, ông Phạm Văn Tư

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 69/2021/TLST-DS ngày 19/4/2021 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” giữa:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín**; địa chỉ: 266 - 268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng Giám đốc (Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 40, ngày 09/02/2021, Quyết định số: 6363/2017/QĐ-NS ngày 25/7/2017);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Hồng Sơn - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 15/3/2021 và Giấy ủy quyền số: 3977/2020/QĐ - PL ngày 28/12/2020 và Quyết định số: 11791/2018/QĐ-NS ngày 08/11/2018); ông Cao Hồng Sơn ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Phú Quốc - Chuyên viên Quản lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền số: 118/2021/QU-CNVL ngày 17/3/2021); địa chỉ: 35B đường 3/2, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; **(có đơn xin xử vắng mặt)**

- *Bị đơn*: Bà **Đặng Ngọc Cẩm**, sinh năm: 1992; địa chỉ: 27/1B Phan Văn Đáng, Khóm 3, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; **(vắng mặt)**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, **khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín;

Buộc **bà Đặng Ngọc Cẩm** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín 56.328.901đ (trong đó: Nợ gốc 19.183.881đ; nợ lãi 37.145.020đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-1902 ngày 20/6/2016.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc **bà Đặng Ngọc Cẩm** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.816.000đ (hai triệu, tám trăm mười sáu ngàn đồng);

2.2/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.274.000đ (một triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰ 0000138 ngày 02/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

